

Nghệ An, ngày 19 tháng 3 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na
- Mã chứng khoán: HNA
- Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 02383.588.766 Fax: 02383.588.767
- E-mail: vanthuhhc@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19/3/2024 tại đường dẫn: <https://huana.com.vn/?n=24/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Tài liệu gửi kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2023.

Người thực hiện công bố thông tin
TV HĐQT - PHÓ GIÁM ĐỐC

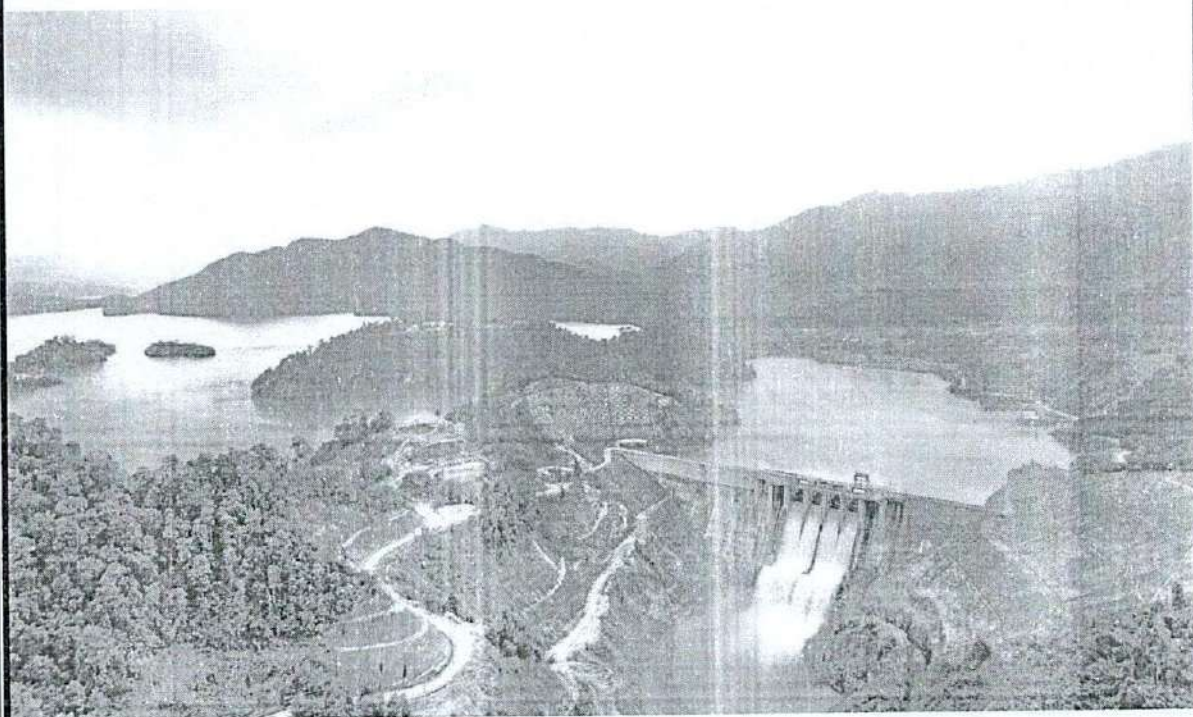


Nguyễn Xuân Sơn

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỬA NA



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023



Nghệ An, tháng 03 năm 2024

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Số *197* /BC-HHC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày *19* tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO Thường niên năm 2023

Kính gửi :
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2900797430 đăng ký sửa đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.
- Vốn điều lệ: 2.352.322.100.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 2.352.322.103.444 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Số điện thoại: 02383.588.766.
- Số fax: 02383.588.767.
- Website: <http://huana.com.vn>
- Mã cổ phiếu: HNA
- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na được thành lập ngày 16/5/2007 bởi cổ đông sáng lập là Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty cổ phần thủy điện Hũa Na hiện đang quản lý, vận hành Nhà máy thủy điện Hũa Na thuộc địa phận xã Đông Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

**) Các mốc thời gian phát triển:*

+ Ngày 19/01/2006, Dự án Thủy điện Hũa Na được Thủ tướng Chính phủ cho phép đầu tư tại Văn bản số 129 TTg-CN.

+ Ngày 16/5/2007, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na được thành lập bởi cổ đông sáng lập là Tổng Công ty lắp máy Việt Nam và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

+ Ngày 8/6/2007, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na được chấp thuận là Chủ đầu tư xây dựng dự án thủy điện Hòa Na theo văn bản số 3143/VPCP-CN của Văn phòng Chính phủ, với hình thức đầu tư: Xây dựng - Vận hành - Sở hữu (BOO).

+ Ngày 27/7/2007, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã chuyển toàn bộ số cổ phần sở hữu tại Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na cho Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (nay là Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP) trở thành cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

+ Ngày 28/3/2008, Dự án thủy điện Hòa Na được khởi công xây dựng tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

+ Ngày 01/02/2013, Tổ máy số 1 Nhà máy thủy điện Hòa Na hòa lưới điện Quốc gia.

+ Ngày 27/3/2013, Tổ máy số 2 Nhà máy thủy điện Hòa Na hòa lưới điện Quốc gia.

+ Ngày 17/7/2013, Công trình thủy điện Hòa Na chính thức hoàn thành đưa vào sử dụng.

+ Ngày 22/8/2017, Cổ phiếu của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na (HNA) đã được đăng ký lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam tại Giấy chứng nhận Đăng ký chứng khoán số 163/2017/GCNCP-VSD.

+ Ngày 28/9/2017, Cổ phiếu Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã được Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Quyết định số 824/QĐ-SGDHN với phiên giao dịch đầu tiên là ngày 05/10/2017.

+ Ngày 01/12/2023, Cổ phiếu Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã được Sở giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh chấp thuận niêm yết cổ phiếu tại Quyết định số 768/QĐ-SGDHCM với phiên giao dịch đầu tiên ngày 12/01/2024.

**) Quá trình thay đổi vốn điều lệ:*

+ Ngày 16/5/2007, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đăng ký kinh doanh lần đầu tiên với số vốn điều lệ ban đầu là 1.200 tỷ đồng.

+ Ngày 05/3/2009, đăng ký thay đổi lần 1, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 1.800.000.000.000 đồng.

+ Ngày 29/3/2012, đăng ký thay đổi lần 4, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 2.010.000.000.000 đồng.

+ Ngày 25/5/2015, đăng ký thay đổi lần 7, tăng số vốn điều lệ của Công ty lên thành: 2.310.000.000.000 đồng.

+ Ngày 29/12/2016 đăng ký thay đổi lần 8, giảm số vốn điều lệ của Công ty về vốn điều lệ thực góp là 2.256.592.100.000 đồng.

+ Ngày 30/06/2020 đăng ký thay đổi lần 9, tăng vốn điều lệ của Công ty lên thành: 2.352.322.100.000 đồng.

2. Ngành nghề, địa bàn kinh doanh

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác quặng sắt.
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt.
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sửa chữa thiết bị điện.
- Sản xuất điện (Chi tiết: Sản xuất điện, vận hành Nhà máy điện).
- Truyền tải và phân phối điện (Chi tiết: Hoạt động mua bán điện).
- Xây dựng nhà để ở (Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở).
- Xây dựng nhà không để ở (Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn).
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện).
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện).
- Bán buôn tổng hợp.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Kinh doanh khách sạn).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Hoạt động tư vấn quản lý (Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình).

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện).

- Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng).

- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Cho thuê văn phòng).

- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện).

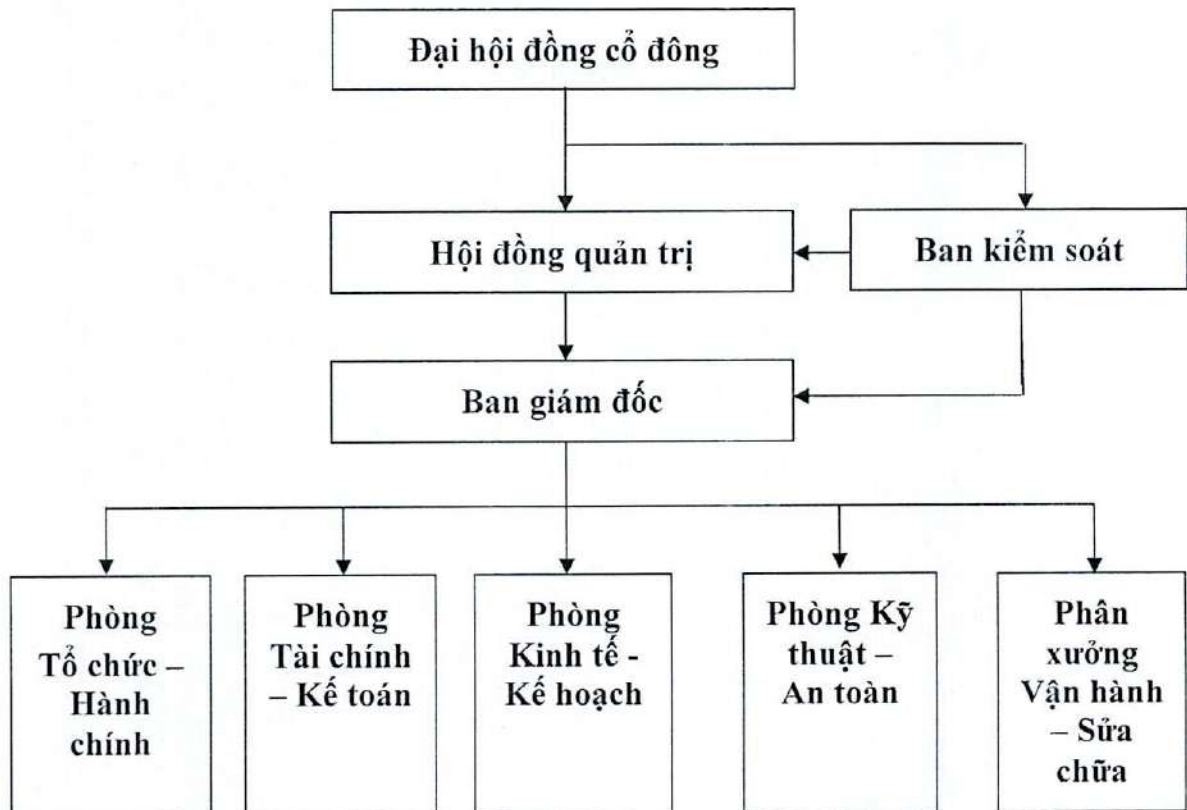
2.2. Địa bàn kinh doanh

Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na có trụ sở chính tại Tầng 9 Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Nhà máy thủy điện Hủa Na tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



- Các công ty con, công ty liên kết: *Không*

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định và phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, tăng (giảm) vốn Điều lệ, phân chia lợi nhuận, cổ tức; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm HĐQT, Ban kiểm soát; và quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất của Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra gồm 01 (một) Chủ tịch HĐQT và 04 (bốn) thành viên với nhiệm kỳ 05 (năm) năm. HĐQT nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT có trách nhiệm giám sát hoạt động của Ban giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định.

3.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức giám sát, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh; trong ghi chép sổ sách kế toán và tài chính của Công ty nhằm đảm bảo các lợi ích hợp pháp của các Cổ đông. Ban kiểm soát gồm 01 (một) Trưởng ban chuyên trách và 02 (hai) Kiểm soát viên với nhiệm kỳ 05 năm do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

3.4. Ban giám đốc

Ban giám đốc của Công ty gồm 01 Giám đốc và 03 Phó giám đốc. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm chính và duy nhất trước HĐQT về tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Phó giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo đề xuất của Giám đốc.

3.5. Khối điều hành

3.5.1. Phòng Tổ chức – Hành chính.

Phòng Tổ chức – Hành chính là bộ phận tham mưu chuyên môn trực thuộc Giám đốc. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc về: Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo, tuyển dụng cán bộ; Công tác lương, thưởng, chế độ, chính sách;

Công tác văn thư văn phòng, quản trị hành chính, lễ tân, lái xe, bảo vệ; Công tác đối ngoại của Công ty.

3.5.2. Phòng Kinh tế - Kế hoạch

Là bộ phận tham mưu giúp việc cho Giám đốc về công tác kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất kinh doanh; chào giá điện, mua bán vật tư, thiết bị cơ điện; hợp đồng kinh tế trong và ngoài nước.

3.5.3. Phòng Tài chính – Kế toán

Tham mưu cho Giám đốc, Hội đồng quản trị về lĩnh vực Tài chính Kế toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, bao gồm:

- Đề xuất các hình thức và giải pháp cần thiết nhằm thu hút, tạo lập và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính, các quỹ tiền tệ phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

- Giúp Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty: chấp hành các quy định về tài chính, tín dụng, chế độ kế toán của Nhà nước cũng như của Công ty, kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.

- Đảm bảo đáp ứng đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty.

3.5.4. Phòng Kỹ thuật – An toàn

Tham mưu giúp Giám đốc chỉ đạo quản lý các công tác, bao gồm:

- Công tác quản lý kỹ thuật của Công ty.
- Kỹ thuật an toàn, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão và bảo vệ môi trường.

- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

- Áp dụng khoa học công nghệ, tiêu chuẩn hóa, công nghệ thông tin, viễn thông và hệ thống quản lý, sản xuất.

- Đào tạo phát triển nguồn nhân lực phân chuyên môn kỹ thuật.

3.5.5. Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa

Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa gồm 02 bộ phận: bộ phận trực tiếp thực hiện công tác vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na và bộ phận sửa chữa các thiết bị của nhà máy khi hỏng hóc hoặc đến thời gian bảo trì.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu

Xây dựng và phát triển công ty trở thành công ty đa ngành đa dạng hoá lĩnh vực sản xuất kinh doanh, mở rộng đầu tư trong đó có các lĩnh vực phát điện, phân phối điện, đầu tư tài chính và các lĩnh vực khác nhằm giảm thiểu rủi ro do phụ thuộc vào thiên nhiên và tận dụng tài nguyên nước của hồ, cụ thể:

- Kinh doanh trong những lĩnh vực mà Công ty am hiểu, có nhiều kinh nghiệm như vận hành, sửa chữa các nhà máy thủy điện để tận dụng thế mạnh sẵn có của Công ty;
- Phát triển dịch vụ kỹ thuật đáp ứng nhu cầu của các nhà máy điện mới.
- Đầu tư và nắm quyền chi phối một số các dự án thủy điện vừa và nhỏ nhằm chủ động thực hiện được những mục tiêu chiến lược của Công ty;
- Đầu tư góp vốn vào các nhà máy điện; đầu tư tài chính, đầu tư bất động sản; dịch vụ trên hồ, đảm bảo dòng tiền, hiệu quả và lợi ích kinh tế của Công ty.
- Mở rộng sản xuất kinh doanh trên cơ sở phát huy được tối đa nguồn lực hiện có của công ty.
- Áp dụng kịp thời các tiến bộ của khoa học công nghệ, chuyển đổi số vào hoàn động quản trị và sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- Đào tạo phát triển và bổ sung nguồn lực có chất lượng cho công ty, xác định đây là yếu tố quan trọng sẽ đóng góp cho quá trình phát triển của Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng công ty trở thành công ty đại chúng mạnh có uy tín trên thị trường chứng khoán Việt Nam, từ lĩnh vực quản lý đầu tư thủy điện và phát triển đa ngành các lĩnh vực khác nhằm gia tăng giá trị công ty, gia tăng lợi nhuận và cổ tức cổ đông phát huy thế mạnh truyền thống văn hoá doanh nghiệp nâng cao thương hiệu công ty.

- Xây dựng thành công ty đa ngành trong đó có các lĩnh vực phát điện, phân phối điện, đầu tư tài chính và các lĩnh vực khác.

- Phát triển thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ kỹ thuật cho các nhà máy điện.

- Xây dựng công ty có tiềm lực tài chính mạnh, kinh doanh có hiệu quả; Bảo toàn và phát triển vốn cổ đông.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Xây dựng và phát triển Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na ngày càng vững mạnh, đa dạng ngành nghề, lấy lĩnh vực sản xuất điện làm trọng tâm, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo sự phát bền vững mang lại doanh thu và lợi nhuận cao.

- Thực hiện tốt trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: Luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm chú trọng việc báo cáo giám sát chất lượng môi trường định kỳ về các chỉ tiêu nước thải, chất thải nguy hại, độ ồn, độ bụi, ... ; Song song với việc sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia các hoạt động vì người nghèo, ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng thiên tai, dịch bệnh, ...

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về kinh tế

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ, ... sẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.

- Tăng trưởng kinh tế: Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành kinh tế và tất nhiên ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu thụ điện năng của người dân và doanh nghiệp. Mặc dù vậy, do nhu cầu sử dụng điện hiện tại vẫn ở mức cao nên sự thay đổi của nền kinh tế vĩ mô không ảnh hưởng nhiều. Hơn thế nữa, hiện tại nguồn cung cấp điện vẫn chưa đủ cho nhu cầu của cả nước và ngành điện vẫn đang được Chính phủ khuyến khích đầu tư.

- Lạm phát: Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây đã được Chính phủ kiềm chế, kiểm soát; theo đánh giá chung thì tỷ lệ lạm phát không ảnh hưởng nhiều đến tiêu thụ điện năng và giá bán điện.

5.2. Rủi ro về pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mạng tính hệ thống, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội nói chung và ngành điện nói riêng. Mọi thay đổi trong chính sách của Chính phủ đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty.

Là một Công ty đại chúng quy mô lớn ngoài việc tác động của một số Luật như: luật Doanh nghiệp, luật Điện lực, luật Xây dựng, luật Đất đai, ... Công ty còn chịu sự chi phối của luật Chứng khoán. Việt Nam hiện vẫn đang trong diện các nước đang phát triển nên các văn bản luật vẫn còn sẽ phải chỉnh sửa. Sự thay đổi về chính sách và luật tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoạt động

của Công ty. Tuy nhiên, rủi ro về pháp luật liên quan đến cả một hệ thống, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có những điều chỉnh để thích nghi.

Công ty đang tham gia vào thị trường điện cạnh tranh, việc thay đổi cơ chế trong thị trường điện sẽ có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để giảm thiểu rủi ro về pháp luật, Công ty luôn duy trì việc cập nhật các quy định pháp luật mới đối với toàn bộ công nhân viên, đồng thời sẽ tham khảo thêm với các tổ chức tư vấn pháp luật khi cần thiết.

5.3. Rủi ro về thời tiết

Rủi ro về điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng lớn nhất đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na. Sản lượng và hiệu quả của nhà máy thủy điện phụ thuộc chính vào nguồn năng lượng nước có khả năng tái tạo, dự trữ.

Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm cả trong mùa mưa, làm lượng nước tích trong hồ chứa thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngoài ra, các thiên tai như lũ quét và mưa lớn có thể gây thiệt hại về đường giao thông và các công trình đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa. Tình hình cung ứng điện thay đổi theo mùa khô và mùa mưa, tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro về thời tiết tồn tại trong suốt thời gian hoạt động của Công ty.

Công ty luôn theo sát những dự báo khí hậu và thủy văn để có những phương án, chiến lược chào giá, vận hành hồ chứa, chế độ phát điện, nhân lực để vận hành nhà máy đạt công suất cao nhất có thể và đảm bảo mức tiêu hao nước/1kWh thấp nhất. Ngoài ra, Công ty cũng chuẩn bị những phương án phòng chống bão lụt, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai gây ra đối với các công trình đường giao thông, đập và thực thi các biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

5.4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, bệnh dịch,... là những rủi ro do bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLĐ, đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy ...

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	TH/KH 2023	TH 2023/TH 2022
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)/(5)	(8)=(6)/(4)
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	828,84	645,79	587,50	91%	71%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	1.182,32	733,47	762,78	104%	65%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	567,91	572,09	513,57	90%	90%
4	Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN	Tỷ đồng	614,41	161,38	249,21	154%	41%
5	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	243,59	173,77	174,15	100%	71%

2.2. Về thủy văn:

Điều kiện thủy văn năm 2023 không thuận lợi, gây nhiều khó khăn trong công tác vận hành, cụ thể: Mực nước thượng lưu hồ chứa tại thời điểm ngày 01/01/2023 đạt cao trình 237,16 (chỉ thấp hơn 2,84m so với mực nước dâng bình thường 240m); Trên lưu vực sông chính của hồ thủy điện Hỏa Na, mùa mưa bắt đầu từ 01/7 đến 30/11, mùa khô từ 01/12 đến 30/6 năm sau. Tuy nhiên, những năm gần đây, hiện tượng biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng phức tạp làm thay đổi thời gian các mùa trong năm. Trong năm 2023, mùa khô hạn hán kéo dài đến 31/7, mùa mưa ngắn hơn từ 01/8 đến 31/10. Lưu lượng nước bình quân về hồ trong năm đạt khoảng 79,0/93,85 m³/s, bằng 84% so với lưu lượng bình quân nhiều năm.

2.3. Về sản lượng điện:

Với tình hình thủy văn như trên, sản lượng điện thương mại trong năm đạt 587,50/645,79 triệu kWh, hoàn thành 91% so với kế hoạch; bằng 71% so với năm 2022 (828,84 tỷ đồng).

2.4. Doanh thu, lợi nhuận:

Với sản lượng như trên, doanh thu bán điện là 762,78/733,47 tỷ đồng, bằng 104% so với kế hoạch; Lợi nhuận thực hiện trước thuế TNDN là 249,21/161,38 tỷ đồng đạt 154% so với kế hoạch.

2.5. Tình hình quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì:

- Công tác vận hành: Nhà máy vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng theo kế hoạch huy động điện của Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình quản lý vận hành, sửa chữa thường xuyên nhà máy.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (trung tu) năm 2023: Hoàn thành sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị vào tháng 3 ÷ 4/2023 theo kế hoạch. Trong quá trình bảo dưỡng sửa chữa không xảy ra sự cố. Sau khi hoàn thành tổ máy được đưa vào sử dụng đảm bảo kỹ thuật, an toàn.

- Công tác bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình/hạng mục công trình xây dựng: Đã hoàn thành sửa chữa, bảo dưỡng, bảo trì các hạng mục công trình xây dựng cần thiết, đảm bảo an toàn, chất lượng và nâng cao hiệu quả kinh tế.

2.6. Công tác tài chính.

Đến thời điểm 31/12/2023, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 254 tỷ đồng giảm so với năm 2022.

2. Tổ chức nhân sự

2.1. Danh sách Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị		
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	
2	Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT	
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	
4	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT không điều hành	
5	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT độc lập	
II	Ban điều hành		
1	Bùi Huy Thành	Giám đốc	
2	Nguyễn Xuân Sơn	Phó Giám đốc	
4	Đoàn Văn Trường	Phó Giám đốc	
5	Nguyễn Trọng Thạch	Phó Giám đốc	
7	Trần Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	
III	Ban Kiểm soát		
1	Võ Trung Chính	Trưởng BKS	
2	Văn Tuấn Thạch	Thành viên BKS	Ngày không là TV BKS 21/4/2023
3	Lê Văn Anh	Thành viên BKS	
4	Lê Đình Hiệu	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu 21/4/2023

2.2. Tóm tắt lý lịch:

*) Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ngày sinh: 13/6/1968
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Lạc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: số nhà 3/2 ngõ 39 đường Vạn An, khối Liên Cơ, Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
- Số CCCD: 040068042130; ngày cấp: 18/07/2022; nơi cấp: Cục cảnh quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 9/1990÷8/1991: Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính tỉnh Nghệ Tĩnh
 - 9/1991÷4/1993: Cán bộ thanh tra tài chính - Sở Tài chính tỉnh Hà Tĩnh
 - 5/1993÷5/2007: Thanh tra viên, thanh tra viên chính, phó chánh Thanh tra Tài chính - Sở Tài chính tỉnh Nghệ An.
 - 5/2007÷12/2014: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na
 - 01/2015÷4/2018: Thành viên HĐQT, kiêm Phó Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na
 - 4/2018÷hiện nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 240.000 cổ phần chiếm 0,102% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện 85.922.760 cổ phần chiếm 36,527% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP).

***) Ông Bùi Huy Thành - Thành viên HĐQT, Giám đốc**

- Ngày sinh: 30/4/1980
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Phòng 1705, Chung cư Green view, Phường Lê Lợi, TP Vinh, Nghệ An;
- Số CCCD: 040080030580; ngày cấp: 17/12/2021; Nơi cấp: Cục cảnh quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD; Kỹ sư Thủy điện – Thủy Lợi
- Quá trình công tác:
 - 8/2006÷7/2007: Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam
 - 7/2007÷7/2009: Cán bộ kỹ thuật - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 7/2009÷11/2011: Phó phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 11/2011÷06/2013: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 06/2013÷4/2018: Thành viên BKS - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 8/2018÷01/01/2023: Phó giám đốc - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
 - Từ 01/01/2023÷hiện nay: Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 30.000 cổ phần chiếm 0,012% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 14,730% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP).

***) Ông Nguyễn Xuân Sơn - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc**

- Ngày sinh: 11/6/1966
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Khối 6, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Số CCCD: 040066003652; Ngày cấp: 13/04/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 7/1987÷6/1990: Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Công Nông nghiệp 3-2, Nghệ An.
 - 7/1990÷12/1997: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An.
 - 01/1998÷4/2004: Trưởng phòng Sản xuất - Kinh doanh Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An.
 - 5/2004÷3/2007: Đội trưởng sản xuất - Công ty Nông Công nghiệp 3-2, Nghệ An.
 - 4/2007÷8/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty cổ phần thủy điện Đakđrinh.
 - 8/2007÷12/2007: Phó trưởng phòng Tổ chức - Hành chính Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 1/2008÷4/2016: Trưởng phòng Tổ chức Hành chính - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 4/2016÷4/2018: Phó Giám đốc - Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 4/2018÷hiện tại: Thành viên HĐQT, Phó giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 43.300 cổ phần chiếm 0,018% vốn điều lệ.
 - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 14,730% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP).

***) Ông Lê Hải Long - Thành viên HĐQT không điều hành.**

- Ngày sinh: 31/01/1971
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ứng Hòa, Hà Đông, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Số nhà A18, TT15 Khu đô thị Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.
- Số CMND: 001071004126; ngày cấp: 10/5/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp; Kỹ sư xây dựng.
- Quá trình công tác:
 - 01/1996÷8/2001: Chuyên viên - Công ty xây dựng SunWay.
 - 8/2001÷11/2007: Kiểm toán viên - Công ty kiểm toán Việt Nam (VACO) thành viên Kiểm toán Deloitte.
 - 11/2007÷07/2008: Kiểm toán viên - Công ty TNHH kiểm toán VACO
 - 7/2008÷6/2012: Chuyên viên ban Tài chính kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - 6/2012÷hiện nay: Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - 6/2012÷6/2013: Thành viên BKS - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
 - 06/2013÷4/2018: Trưởng BKS - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
 - 4/2018÷hiện nay: Thành viên HĐQT - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Trưởng ban Tài chính Kế toán và Kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
 - + Sở hữu đại diện: 34.650.000 cổ phần chiếm 14,730% vốn điều lệ (đại diện vốn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP).

***) Ông Vũ Văn Tâm – Thành viên HĐQT độc lập**

- Ngày sinh: 05/7/1972
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Nhà 27, ngõ 265, Ngô Xuân Quảng, TT Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, TP Hà Nội
- Số CCCD: 036072005968, ngày cấp: 03/10/2018; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 02/2003÷12/2005: Chuyên viên kinh tế phòng Quản lý Dự án - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
 - 12/2005÷7/2007: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần đầu tư An Lạc.
 - 12/2005÷7/2007: Thành viên HĐQT – Công ty CP thủy điện Za Hưng.
 - 8/2007÷hiện nay: Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Tài chính và BĐS Việt.
 - 8/2020÷hiện nay: Giám đốc Công ty cổ phần BÔ ĐÊ GA.
 - 6/2018÷hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP vật tư thiết bị giao thông.
 - 2/2016÷hiện nay: Chủ tịch Công ty TNHH dược liệu Vũ Gia.
 - 4/2018÷hiện tại: Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
 - + Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Tài chính và BĐS Việt.
 - + Giám đốc Công ty cổ phần BÔ ĐÊ GA.
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty CP vật tư thiết bị giao thông.
 - + Chủ tịch Công ty TNHH dược liệu Vũ Gia.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
 - + Sở hữu đại diện: 1.920.000 cổ phần chiếm 0,816% vốn điều lệ (đại diện vốn của Công ty cổ phần Đầu tư tài chính và BĐS Việt).

***) Ông Đoàn Văn Trường - Phó giám đốc**

- Ngày sinh: 10/5/1979
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Diễn Phú, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: Khối Bắc Sơn, thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An;
- Số CCCD: 040079016840; ngày cấp: 08/07/2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng, Kỹ sư điện, Thạc sỹ quản lý kinh tế.
- Quá trình công tác:
 - 10/2003÷2/2004: Cán bộ Kỹ thuật, Công ty Quản lý sửa chữa đường bộ Nghệ An.
 - 3/2004÷9/2005: Cán bộ Kỹ thuật, Xí nghiệp cơ giới và xây dựng - Công ty Xây dựng số 6.
 - 10/2005÷12/2007: Cán bộ Kỹ thuật, Công ty CP thủy điện Quế Phong.
 - 01/2008÷8/2009: Phụ trách phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong.
 - 9/2009÷11/2011: Chuyên viên phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.
 - 12/2011÷4/2012: Phó trưởng phòng Đền bù giải phóng mặt bằng, Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.
 - 5/2012÷01/2019: Phó trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.
 - 02/2019÷5/2021: Trưởng phòng Kinh tế - Kế hoạch, Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.
 - 6/2021÷hiện nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần chiếm 0,085% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: Không

***) Ông Nguyễn Trọng Thạch - Phó giám đốc**

- Ngày sinh: 06/02/1972
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Thạch Tiến, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Tổ dân phố số 3, thị trấn Thạch Hà, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh;
- Số CCCD: 042072017848; ngày cấp: 08/09/2022; Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện kỹ thuật
- Quá trình công tác:
 - 3/1994÷11/2004: Tổ trưởng quản lý cao thế chi nhánh điện huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
 - 11/2004÷2/2005: Kỹ thuật viên ATCT Chi nhánh điện huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.
 - 2/2005÷12/2009: Đội phó đội xây lắp điện – Điện lực Hà Tĩnh
 - 12/2009÷4/2012: Phó Giám đốc Điện lực Thạch Hà
 - 4/2012÷5/2015: Giám đốc Điện lực Thạch Hà
 - 5/2015÷4/2020: Phó Giám đốc Công ty điện lực Dầu khí Hà Tĩnh
 - 4/2020÷11/2021: Phó Trưởng Ban ATSKMT Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
 - 11/2021÷hiện nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: Không
 - + Sở hữu đại diện: Không

***) Bà Trần Thị Thu Hà – Kế toán trưởng**

- Ngày sinh: 23/9/1983
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Xuân Đan, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: Khối 14, phường Hà Huy Tập, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
- Số CCCD: 040183011152; ngày cấp: 26/5/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán; Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - 08/2006÷6/2007: Nhân viên phòng Nghiệp vụ 1 - Công ty CP ĐT & Hợp tác kinh tế Việt Lào.
 - 06/2007÷10/2017: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 10/2017÷04/2018: Phó phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 04/2018÷12/9/2022: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 12/9/2022÷đến nay: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: 40.025 cổ phần chiếm 0,017% vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: Không.

***) Ông Võ Trung Chính – Trưởng Ban kiểm soát**

- Ngày sinh: 08/5/1974
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: số nhà 03 đường Nguyễn Sỹ Quế, phường Hưng Dũng, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
- Số CCCD: 040074010088; ngày cấp: 11/08/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 02/1995 ÷ 6/2003: Cán bộ phòng Tài chính Kế toán - Công ty Lắp máy và Xây dựng 45-4
 - 7/2003 ÷ 7/2007: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty TNHH BOT Thủy điện Bảo Lộc
 - 8/2007 ÷ 12/2014: Phó phòng Tài chính kế toán - Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
 - 01/2015 ÷ 08/9/2022: Kế toán trưởng - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
 - 12/9/2022 ÷ đến nay: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
- + Sở hữu cá nhân: 204.300 cổ phần chiếm 0,087% vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: Không

***) Ông Văn Tuấn Thạch – Kiểm soát viên**

- Ngày sinh: 10/01/1983
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Chương, Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: Nhà 5 ngõ 53, phố Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
- Số CMND: 040083000657; Ngày cấp: 30/3/2017 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán và kiểm toán
- Quá trình công tác:
 - 12/2008÷01/2019: Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - 01/2019÷2020: Chuyên viên Ban Kiểm soát nội bộ - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam.
 - 2020÷hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí
 - 06/2013÷04/2023: Kiểm soát viên Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Năng lượng tái tạo Điện lực Dầu khí.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: không
 - + Sở hữu đại diện: không

***) Ông Lê Đình Hiệu – Kiểm soát viên**

- Ngày sinh: 18/3/1975
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: số nhà 69, Chùa Bộc, Đống Đa, Hà Nội
- Số CCCD: 038075003695. Ngày cấp: 26/04/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 5/2005÷09/2006: Trưởng bộ phận điều hành vận tải và du lịch - Công ty CP vận tải Đường sắt.
 - 9/2006÷10/2007: Chuyên viên Phòng Khách hàng Doanh nghiệp - Ngân hàng TMCP ACB Hà Nội.
 - 8/2008÷12/2009: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
 - 5/2010÷4/2013: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí.
 - 4/2015÷5/2017: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty CP Thủy điện Sông Vàng.
 - 10/2007÷hiện nay: Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
 - 04/2023÷hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát - Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chuyên viên Ban tài chính kế toán và kiểm toán - Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: Không
 - + Sở hữu đại diện: Không

***) Bà Lê Văn Anh – Kiểm soát viên**

- Ngày sinh: 01/01/1982
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh
- Quê quán: xã Trường Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh
- Địa chỉ thường trú: CH 1202, Chung cư B15, Đô thị Đại Kim, Định Công, phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.
- Số CMND: 042182799613. Ngày cấp: 08/12/2021. Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế đối ngoại
- Quá trình công tác:
 - 01/2008 ÷ 11/2016: Chuyên viên phòng Phân tích và Tư vấn Đầu tư, Khối đầu tư, Phòng Đầu tư kinh doanh - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
 - 11/2016 ÷ 04/2019: Chuyên viên cao cấp Trưởng bộ phận đầu tư tài chính, Phòng Đầu tư kinh doanh - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
 - 04/2019 ÷ 03/2022: Chuyên gia Phòng Đầu tư kinh doanh, Khối đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
 - 02/2022 ÷ đến nay: Phó phòng Đầu tư kinh doanh, Khối đầu tư – Ngân hàng TMCP Quân Đội.
 - 09/2022 ÷ đến nay: Kiểm soát viên - Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó phòng Đầu tư kinh doanh, Khối đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân Đội.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành:
 - + Sở hữu cá nhân: Không
 - + Sở hữu đại diện: Không

2.3. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2023, trong Ban điều hành Công ty không có thay đổi về nhân sự.

2.4. Nguồn nhân lực:

Tổng số CBCNV Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na tính đến ngày 31/12/2023 là 117 người.

Cơ cấu nguồn nhân lực của Công ty như sau:

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ	Tỷ lệ
1	Theo giới tính:		
-	Nam	98	83,76%
-	Nữ	19	16,24%
2	Theo hợp đồng lao động:		
-	Toàn thời gian	117	100%
-	Bán thời gian		
3	Theo trình độ:		
-	Đại học và trên đại học	66	56,4%
-	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	41	35,1%
-	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	8	6,8%
-	Phổ thông	2	1,7%
4	Theo chức vụ:		
-	Quản lý	20	17,1%
-	Văn phòng	44	37,6%
-	Công nhân	53	45,3%
	TỔNG SỐ	117	

Do đặc thù ngành nghề của công ty đòi hỏi kỹ thuật và địa bàn hoạt động tại khu vực xa trung tâm nên số lượng lao động nữ ít hơn so với lao động nam. Cụ thể lao động nữ chiếm 16,24% so với tổng số CBCNV.

Là một công ty liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh điện nên số lượng công nhân của Công ty chiếm số lượng lớn trong cơ cấu của Công ty, chiếm 45,3%.

Nhân sự của Công ty có trình độ từ đại học trở lên chiếm 56,4% và cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp chiếm 35,1% cơ cấu nhân viên trong công ty tham gia vào công tác sản xuất của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

Trong năm 2023, Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na không tham gia đầu tư, thực hiện các dự án mới nào.

4. Tình hình tài chính.

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2022 (VNĐ)	Năm 2023 (VNĐ)	% tăng, giảm(+/-)
Tổng giá trị tài sản	3.940.584.933.142	3.481.462.627.130	-11,65%
Doanh thu thuần	1.175.592.436.552	748.752.815.653	-36,31%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	614.634.828.165	249.343.901.909	-59,43%
Lợi nhuận khác	(228.223.702)	(132.955.731)	-41,74%
Lợi nhuận trước thuế	614.406.604.463	249.210.946.178	-59,44%
Lợi nhuận sau thuế	583.473.805.281	236.522.121.928	-59,46%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% Thay đổi
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,84	2,85	154,89%
	Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn)	1,78	2,72	152,81%
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,15	0,07	46,67%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,17	0,08	47,06%
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	20,22	35,87	177,40%
	Vòng quay khoản phải thu	6,90	2,70	39,13%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,30	0,22	73,33%
4	Chỉ tiêu khả năng về sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	49,63%	31,59%	63,65%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	17,38%	7,33%	42,17%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	14,81%	6,79%	45,85%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	52,28%	33,30%	63,70%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1. Cổ phần.

- Vốn điều lệ của Công ty:	2.352.322.100.000 đồng.
- Tổng số cổ phần niêm yết:	235.232.210 cổ phần
- Tổng số cổ phần lưu hành:	235.232.210 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ:	0 cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do:	235.232.210 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần:	10.000 đồng/1 cổ phần

5.2. Cơ cấu Cổ đông:

Theo loại hình sở hữu

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	(Tỷ lệ %)
1	Cổ đông trong nước	235.231.210	99,999%
	Tổ chức	222.562.787	94,614%
	Cá nhân	12.668.423	5,385%
2	Cổ đông nước ngoài	1.000	0,001%
	Tổ chức	1.000	0,001%
	Cá nhân	0	0%

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%
2	Cổ đông lớn (sở hữu \geq 5% vốn CP)	189.872.760	80,717%
	Trong nước	189.872.760	80,717%
	Nước ngoài	0	0%
3	Các cổ đông khác	45.359.450	19,283%
	Trong nước	45.358.450	19,282%
	Nước ngoài	1.000	0,001%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	0102276173	Tầng 8,9 Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội	189.872.760	80,717%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Ngày 16/5/2007, Công ty Cổ phần thủy điện Hòa Na đăng ký kinh doanh lần đầu tiên với số vốn điều lệ ban đầu là 1.200.000.000.000 đồng.
- Ngày 05/3/2009, vốn điều lệ tăng lên thành: 1.800.000.000.000 đồng.
- Ngày 29/3/2012, vốn điều lệ tăng lên thành: 2.010.000.000.000 đồng.
- Ngày 25/5/2015, vốn điều lệ tăng lên thành: 2.310.000.000.000 đồng.
- Ngày 29/12/2016, vốn điều lệ giảm thành: 2.256.592.100.000 đồng.
- Ngày 30/06/2020, vốn điều lệ tăng lên thành: 2.352.322.100.000 đồng.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có**5.5. Các chứng khoán khác:** Không có**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty****6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để phục vụ sản xuất kinh doanh của công ty (vận hành Nhà máy thủy điện Hòa Na) trong năm 2023:

Dầu tuabin được bổ sung cho các ổ đỡ, ổ hướng tuabin, hệ thống điều tốc, hệ thống van đĩa... do bị rò dầu khi vận hành trong năm 2023 với số lượng: 1.695 lít;

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: *Không*.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: 750,51 MWh.

b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: 136,574 MWh.

c. Sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến: *Không có.*

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm).

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nước mặt sông Chu để sản xuất điện; lượng nước mặt đã sử dụng để sản xuất điện năm 2023 vào khoảng: 2 tỷ m³.

b. Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không.* Đơn vị chỉ khai thác sử dụng nước mặt sông Chu để sản xuất điện.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không.*

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: *Không.*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động bình quân năm 2023 là: 117 người

- Thu nhập bình quân năm 2023 là: 22,53 triệu đồng/người/tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- *Chế độ làm việc:* Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ với người lao động theo đúng quy định của Pháp luật về lao động. Thỏa ước lao động tập thể và các đặc thù đối với người lao động ngành điện.

- *Chính sách tuyển dụng:* Công ty đang thực hiện áp dụng chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động có trình độ, kinh nghiệm về công tác lâu dài tại Công ty.

- *Chính sách lương thưởng và phúc lợi:* Công ty có chính sách tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi nhằm khuyến khích người lao động nhất là lao động có kinh nghiệm, lao động chuyên môn nghiệp vụ làm việc lâu dài tại công ty.

c. Hoạt động đào tạo người lao động

- *Chính sách đào tạo:* Công ty luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực: i) Tăng cường liên kết với các đối tác trong và ngoài nước, các nhà cung cấp chế tạo thiết bị để tham quan, học hỏi và phối hợp tổ chức các khóa đào tạo kỹ thuật chuyên ngành trong vận hành, bảo trì sửa

chữa và quản lý kỹ thuật Nhà máy thủy điện, đồng thời hợp tác đào tạo với các Công ty, Nhà máy trong cùng lĩnh vực; ii) Nâng cao chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ vận hành để chủ động hơn trong việc sửa chữa bảo dưỡng định kỳ và thường xuyên. Thực hiện nghiêm túc quy trình quản lý vận hành, có tính đến hiệu quả sử dụng nguồn nước, tiếp tục nâng cao hệ thống quy trình vận hành tránh rủi ro cho Nhà máy; iii) Xây dựng chương trình đào tạo bắt buộc (quản lý - kỹ thuật) cho cán bộ lãnh đạo đương chức, cán bộ nguồn trước khi bổ nhiệm, xây dựng tiêu chuẩn tuyển dụng đối với từng vị trí công việc. Cử cán bộ quản lý có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt đi học tập tại các trung tâm đào tạo; iv) Chuẩn bị nguồn nhân lực cao để sẵn sàng trong công việc tiếp nhận công tác bảo dưỡng sửa chữa Nhà máy trong những năm tiếp theo.

- *Tình hình thực hiện:* Năm 2023, Nhằm nâng cao tay nghề cho người lao động, năng lực nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên và cán bộ quản lý, Công ty đã tổ chức các chuyến tham quan học hỏi, cử người lao động, cán bộ công nhân viên tham gia các lớp đào tạo, huấn luyện: khóa học chuyên đề chuyển đổi số trong nhà máy thủy điện; căn chỉnh tổ máy thủy điện Tuabin Francis trực đứng; tham gia hội thảo an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ lần thứ XIII năm 2023; đào tạo chứng chỉ chuyên môn y tế về an toàn, VSLĐ; khóa học đấu thầu cơ bản; đào tạo chuyên đề về vận hành thị trường điện khi có biến động nhiên liệu/thủy văn; hội thảo chuyên đề về phối hợp vận hành, đào tạo khóa học chuyên đề sửa chữa điện tử; khóa học thanh kiểm tra các sai phạm về thuế thu nhập các nhân và hóa đơn điện tử; Cập nhật chính sách thuế mới năm 2023 với tổng giá trị là 1.877,5 triệu đồng.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2023, Công ty đã thực hiện công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Nghệ An với tổng giá trị 712,5 triệu đồng, cụ thể như sau: Hỗ trợ học bổng cho các em học sinh tiểu học có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn xã Đồng Văn, huyện Quế Phong; hỗ trợ huyện Quế Phong nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập; ủng hộ gia đình các cháu trong vụ nổ tại xã Quỳnh Lưu; hỗ trợ kinh phí cho Công an huyện Quế Phong; hỗ trợ một phần kinh phí cho UBND xã Đồng Văn tổ chức lễ hội đền chín gian; hỗ trợ xây dựng nhà tình nghĩa cho 02 hộ nghèo đặc biệt khó khăn tại huyện Đô Lương, Nghệ An; hỗ trợ xây dựng nhà cho các hội nghèo, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn huyện Quế Phong với số tiền; hỗ trợ trang thiết bị dạy học cho Trường THPT huyện Quế Phong; Làm thêm giờ ủng hộ các quỹ hoạt động: Quỹ "Vi thể hệ trẻ" của Đoàn Thanh niên Tập đoàn; Quỹ "Nghĩa tình đồng đội" của Hội cựu chiến binh Tổng Công ty.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh.

1.1. Các chỉ tiêu chủ yếu.

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2023	Thực hiện năm 2023	Tỷ lệ hoàn thành %
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6=5/4)
1	Sản lượng điện thương mại	Tr.kw.h	645,79	587,50	91%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	733,47	762,78	104%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	572,09	513,57	90%
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	161,38	249,21	155%
5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	8,07	12,69	157%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	153,31	236,52	154%
7	Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	173,77	174,15	100%
8	Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ	%	6,86%	10,6%	155%

- Kiểm soát chặt chi phí sản xuất kinh doanh đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả theo đúng quy định của pháp luật.

- Công tác vận hành nhà máy, điều tiết hồ chứa thuận lợi do 2 tổ máy đều ở chế độ sẵn sàng vận hành theo huy động của hệ thống.

- Công tác sửa chữa thường xuyên, bảo dưỡng công trình thiết bị được tiến hành đều đặn, theo đúng kế hoạch. Đối với những hạng mục cần thiết phải làm ngay sẽ triển khai tự làm (nếu được) hoặc thuê đơn vị ngoài. Đối với các hạng mục bảo trì thuộc kế hoạch năm nhưng chưa bị hỏng hóc theo dự kiến, hoặc chưa ảnh hưởng đến quá trình hoạt động sản xuất thì Công ty chủ động lùi lại thời gian thích hợp để cân đối nguồn chi phí, ưu tiên cho những công việc thích hợp, cần thiết hơn. Trong công tác bảo trì cũng như các công tác khác sử dụng dịch vụ, Công ty luôn thực hiện đầy đủ quy trình, hồ sơ, thủ tục theo quy định.

- Công tác điều hành quản lý vận hành chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, nội dung, quy định của Công ty. Trong năm Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.

1.2. Những tiến bộ, kết quả đã đạt được

Ban điều hành luôn luôn bám sát, chỉ đạo công tác thị trường điện để chào giá tối ưu và tiết kiệm nước đem lại lợi nhuận cao nhất từ thị trường điện, với kết quả đạt được như sau:

- Về thủy văn: điều kiện thủy văn năm 2023 không thuận lợi, gây nhiều khó khăn trong công tác vận hành, cụ thể: Mực nước thượng lưu hồ chứa tại thời điểm ngày 01/01/2023 đạt cao trình 237,16 (chỉ thấp hơn 2,84m so với mực nước dâng bình thường 240m); Trên lưu vực sông chính của hồ thủy điện Hủa Na, mùa mưa bắt đầu từ 01/7 đến 30/11, mùa khô từ 01/12 đến 30/6 năm sau. Tuy nhiên, những năm gần đây, hiện tượng biến đổi khí hậu diễn ra ngày càng phức tạp làm thay đổi thời gian các mùa trong năm. Trong năm 2023, mùa khô hạn hán kéo dài đến 31/7, mùa mưa ngắn hơn từ 01/8 đến 31/10. Lưu lượng nước bình quân về hồ trong năm đạt khoảng 79,0/93,85 m³/s, bằng 84% so với lưu lượng bình quân nhiều năm.

- Về sản lượng điện: Với tình hình thủy văn như trên, sản lượng điện thương mại trong năm đạt 587,50/645,79 triệu kWh, hoàn thành 91% so với kế hoạch.

- Doanh thu: Dự đoán được tình hình thủy văn diễn ra bất thường, chu kỳ thủy văn thay đổi trong năm nên nhà máy đã có chiến lược, tính toán chào giá chạy máy để khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, nên tổng doanh thu đạt 762,78/733,47 tỷ đồng, bằng 104% so với kế hoạch.

- Lợi nhuận: Đối diện với nhiều khó khăn phức tạp, Công ty luôn chú trọng kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết giảm, tiết kiệm chi phí, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả. Kết quả lợi nhuận sau thuế đạt 236,52/153,31 tỷ đồng, bằng 154% so với kế hoạch.

- Công tác lao động tiền lương:

+ Tổng số lao động bình quân năm 2023 là: 117 người

+ Thu nhập bình quân năm 2023 là: 22,53 triệu đồng/người/tháng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023	% 2023/2022
1	Tài sản ngắn hạn	671.628.959.060	465.699.762.533	69,34%
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	245.644.092.556	92.664.874.209	37,72%
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	200.000.000.000	-	
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	203.424.815.593	350.715.891.733	172,41%
-	Hàng tồn kho	21.322.139.098	20.422.590.130	95,78%
-	Tài sản ngắn hạn khác	1.237.911.813	1.896.406.461	153,19%
2	Tài sản dài hạn	3.268.955.974.082	3.015.762.864.597	92,25%
-	Tài sản cố định	3.230.384.518.549	2.972.328.274.348	92,01%
-	Tài sản dở dang dài hạn	32.344.044.404	37.916.615.968	117,23%
-	Tài sản dài hạn khác	6.227.411.129	5.517.974.281	88,61%
	Tổng tài sản (1+2)	3.940.584.933.142	3.481.462.627.130	88,35%
3	Nợ phải trả	582.891.655.393	254.548.282.453	43,67%
-	Nợ ngắn hạn	365.337.595.236	163.622.258.490	44,79%
-	Nợ dài hạn	217.554.060.157	90.926.023.963	41,79%

2.2. Tài sản

Nhìn chung, tài sản của Công ty có biến động giữa các năm. Tính đến 31/12/2023, tổng tài sản của Công ty năm 2023 là hơn 3.481 tỷ đồng giảm so với năm 2022. Trong đó tài sản ngắn hạn giảm 30,66%, tài sản dài hạn giảm 7,75%.

Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương với tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng nhỏ 19,90%, khó đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty. Các khoản khác lần lượt là các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho.

2.3. Nợ phải trả

Đến thời điểm 31/12/2023, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 254 tỷ đồng giảm so với năm 2022.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Năm 2023, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã củng cố vững chắc văn hóa doanh nghiệp, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của Công ty.

- Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.

- Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.

- Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định của Nhà nước. Công ty đảm bảo môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán. Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Công ty, hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình góp phần giúp Công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị Công ty, hướng tới áp dụng thành công các hệ thống quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các biện pháp hỗ trợ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2024
1	Sản lượng điện thương mại	Tr.kw.h	619,59
2	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.352,32
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	744,07
	<i>Trong đó:</i>		
	+ Doanh thu phát điện	Tỷ đồng	740,58
	+ Doanh thu tài chính+khác	Tỷ đồng	3,48
4	Tổng chi phí	Tỷ đồng	554,65
5	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	189,42
6	Thuế TNDN	Tỷ đồng	9,47
7	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	179,95
8	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	0,08
9	Đào tạo	Tỷ đồng	1,50
10	Giá thành (bao gồm thuế phí)	đồng/kWh	895,18
11	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	177,37
12	Lao động	Người	117
13	Quỹ tiền lương, thưởng vận hành	Tỷ đồng	53,81
14	Năng suất lao động bình quân	Tr.đ.ng/tháng	173,24
15	Tỷ lệ chia cổ tức (10%)	Tỷ đồng	235,23

4.2. Các nhiệm vụ chính cần thực hiện:

- Tổ chức quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Hòa Na luôn đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy. Phối hợp tốt với EVN/A0/EPTC để vận hành phát điện nhằm tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận trong thị trường điện cạnh tranh, thanh toán kịp thời tiền bán điện hàng tháng.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm. Chỉ thực hiện những hạng mục thực sự cần thiết, mang lại hiệu quả cho Công ty.

- Công tác bảo dưỡng sửa chữa định kỳ: Thực hiện sửa chữa định kỳ (trung tu) Nhà máy thủy điện Hòa Na vào tháng 3 ÷ 5/2024 theo kế hoạch đã được Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia phê duyệt.

- Mua sắm tài sản cố định: Căn cứ vào tình hình thực tế và dòng tiền của đơn vị để đầu tư xây dựng một số hạng mục để phục vụ hoạt động quản lý vận hành nhà máy liên tục, an toàn, hiệu quả.

- Mua sắm vật tư, thiết bị: Trên cơ sở tình hình thực tế và kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa, tiến hành triển khai mua sắm vật tư, dụng cụ phục vụ sửa chữa thường xuyên, vật tư thiết bị phục vụ công tác sửa chữa định kỳ Nhà máy, vật tư thiết bị dự phòng chiến lược, các vật tư công cụ cần thiết khác đảm bảo phục vụ sản xuất kinh doanh liên tục và an toàn, hạn chế tồn kho gây lãng phí nguồn vốn.

- Công tác đầu tư xây dựng còn lại thuộc dự án Nhà máy thủy điện Hòa Na: phối hợp với chính quyền địa phương để sớm hoàn thành các công việc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án, đặc biệt là công tác giao đất và bồi thường chênh lệch giá trị quyền sử dụng đất; Hoàn thành quyết toán phần còn lại của dự án sau khi hoàn thành các nội dung nêu trên.

- Kế hoạch chia cổ tức 10% cho các cổ đông.

- Tập trung nghiên cứu, tìm kiếm đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ có hiệu quả góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững cho Công ty.

4.3. Giải pháp thực hiện

- Nâng cao chất lượng người lao động để đảm bảo vận hành nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa, bảo dưỡng và sự cố.

- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và khắc phục kịp thời sự cố.

- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn, giá thị trường điện và Qc giao để có kế hoạch chào giá và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu khi tham gia thị trường.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải ...): Công ty luôn tuân thủ pháp luật về môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến các vấn đề người lao động: Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo đúng các quy định hiện hành.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã tốt công tác an sinh xã hội đối với cộng đồng địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Năm 2023 với tình hình thủy văn không thuận lợi nhưng với chiến lược chào giá hợp lý, chạy máy vào các thời điểm có giá thị trường cao. Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được duyệt, với các chỉ tiêu: Sản lượng điện của nhà máy đạt 587,50/645,79 triệu kWh, hoàn thành 91% so với kế hoạch. Doanh thu bán điện là 762,78/733,47 tỷ đồng, bằng 104% so với kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 236,52/153,31 tỷ đồng, bằng 154% so với kế hoạch.

- Công tác phòng chống lụt bão thực hiện tốt, chủ động theo quy định nên giảm thiểu tốt đa thiệt hại do bão lũ gây ra.

- Công tác quản lý vận hành được thực hiện tốt, người lao động chấp hành tốt các quy trình, quy phạm, các nội quy, quy định của Công ty. Trong năm, Công ty đã đảm bảo được an toàn trong sản xuất, vận hành đúng phương thức, không để xảy ra cháy nổ và tai nạn lao động.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa công trình, thiết bị thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ, góp phần duy trì nhà máy vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả, hạn chế được các hư hỏng phát sinh trong vận hành.

- Công ty đã thực hiện nhiều biện pháp để giảm chi phí, hạ giá thành.

- Công tác đầu tư, mua sắm các thiết bị đã được thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến hành theo đúng quy định của Pháp luật.

- Trách nhiệm đối với môi trường và xã hội: i) Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt quan tâm chú trọng việc báo cáo giám sát chất lượng môi trường định kỳ về các chỉ tiêu nước thải, chất thải nguy hại, độ ồn, độ bụi, ... ii) Song song với việc sản xuất kinh doanh, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, tham gia các hoạt động vì người nghèo,...

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

- Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể như sau: Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc; Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên

báo cáo Hội đồng quản trị về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024.

- Trong năm 2023, Ban giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế tài chính đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần tích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động.

3. Kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu chính như sau: Sản lượng điện phân đầu đạt 619,59 triệu kWh, tổng doanh thu 744,07 tỷ đồng, tổng chi phí 554,65 tỷ đồng, tổng lợi nhuận trước thuế 189,42 tỷ đồng. Khai thác hợp lý hồ chứa để đảm bảo tích nước phục vụ kế hoạch sản xuất năm 2024. Để hoàn thành các chỉ tiêu nói trên, Hội đồng quản trị xác định mục tiêu, chiến lược trong năm 2024 của Công ty như sau:

- Vận hành, phát điện liên tục, an toàn và ổn định 2 tổ máy Nhà máy thủy điện Hòa Na theo đúng phương thức vận hành của Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia.

- Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh, tính toán chào giá hợp lý, khai thác tối ưu hồ chứa để đạt sản lượng và doanh thu cao nhất cho Công ty khi tham gia thị trường điện cạnh tranh.

- Thực hiện các giải pháp quản lý kỹ thuật để không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Triển khai đôn đốc thực hiện tốt công tác an toàn, bảo hộ lao động và vệ sinh lao động.

- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2024 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị:

TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Số cổ phần		Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	Chức danh tại Công ty khác
			Sở hữu cá nhân	Đại diện pháp nhân		
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	240.000	85.922.760	36,629%	Không
2	Bùi Huy Thành	TV HĐQT	30.000	34.650.000	14,742%	Không
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT	43.300	34.650.000	14,749%	Không
4	Lê Hải Long	TV HĐQT không điều hành	0	34.650.000	14,730%	Phó Ban TC-KT PVP
5	Vũ Văn Tâm	TV HĐQT độc lập	0	1.920.000	0,816%	(*)

(*) Chức danh tại Công ty khác của Ông Vũ Văn Tâm – TV HĐQT độc lập:

- Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần đầu tư Tài chính và BDS Việt.

- Giám đốc Công ty cổ phần BÔ ĐÊ GA.

- Chủ tịch HĐQT Công ty CP vật tư thiết bị giao thông.

- Chủ tịch Công ty TNHH dược liệu Vũ Gia.

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

HĐQT không thành lập các tiểu ban trực thuộc mà thành lập Ban kiểm soát nội bộ trực thuộc HĐQT và được giao chức năng, nhiệm vụ là bộ phận tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Công ty. HĐQT đã ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ theo Thông tư số 66/2020/TT-BTC ngày 10/7/2020 của Bộ Tài chính.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na đã tiến hành 04 cuộc họp định kỳ. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản và ra nghị quyết giao Giám đốc Công ty tổ chức triển khai thực hiện.

Danh sách Hội đồng quản trị tham gia dự họp:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	19/4/2018; 21/4/2023 tiếp tục được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028	4	100%
2	Bùi Huy Thành	TV HĐQT	Ngày bắt đầu là TV HĐQT: 01/01/2023	4	100%
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT	19/4/2018; 21/4/2023 tiếp tục được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028	4	100%
4	Lê Hải Long	TV HĐQT	19/4/2018; 21/4/2023 tiếp tục được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028	4	100%
5	Vũ Văn Tâm	TV HĐQT	19/4/2018; 21/4/2023 tiếp tục được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028	4	100%

Danh sách các Nghị quyết ban hành tại các cuộc họp

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01-2023/NQ-HHC-HĐQT	20/04/2023	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý I năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na.
2	02-2023/NQ-HHC-HĐQT	20/07/2023	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý II năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
3	03-2023/NQ-HHC-HĐQT	09/10/2023	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý III năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na
4	04-2023/NQ-HHC-HĐQT	22/12/2023	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý IV năm 2023 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hòa Na

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban điều hành và tình hình của Công ty theo đúng trách nhiệm của mình, tuân thủ Pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Năm 2023, thành

viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục, khách quan.

1.5. Các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty: 5/5 thành viên

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh trong BKS	Tỷ lệ nắm giữ cp có quyền biểu quyết	Ghi chú
1	Võ Trung Chính	Trưởng BKS	0,087%	
2	Văn Tuấn Thạch	Thành viên BKS	0%	Ngày miễn nhiệm 21/4/2023
3	Lê Đình Hiệu	Thành viên BKS	0,001%	Ngày bắt đầu 21/4/2023
4	Lê Vân Anh	Thành viên BKS	0%	

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

- Trong năm 2023, Ban kiểm soát đã thực hiện 02 cuộc kiểm tra, giám sát để đảm bảo công ty thực hiện đúng theo Luật doanh nghiệp, Luật lao động, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết Hội đồng quản trị.

- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Các báo cáo kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát đều được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.

- Ngoài ra Ban kiểm soát còn tham dự vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến đóng góp về hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như việc điều hành và quản trị công ty.

- Ban kiểm soát chủ động phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc về công tác thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như công tác hạch toán, kế toán.

- Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát tại Công ty.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính năm 2023 thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Công ty; Ban kiểm soát căn cứ vào các quy định của Luật kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hiện hành, Chính sách tài chính của Nhà nước và Quy chế tài chính của Công ty để thực hiện kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng kỹ thuật kiểm tra cần thiết, các bằng chứng xác minh cho các số liệu thuyết minh trên báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và các chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo. Ban kiểm soát cho rằng công việc thẩm định đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho các ý kiến nhận xét và kiến nghị đúng với chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Những hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát không trực tiếp tham gia quản trị điều hành, các hoạt động của Ban kiểm soát chỉ dựa trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do Công ty cung cấp.

2.3. Nhận xét đánh giá của Ban kiểm soát

- Công ty đã thực hiện tuân thủ các quy định về công tác kế toán tài chính theo quy định của pháp luật.

- Công ty cần tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh, cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, tính hệ thống nhất quán và phù hợp trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Hạn chế tối đa các khoản tạm ứng cá nhân và phải hoàn tạm ứng theo đúng quy định (nếu có).

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

3.1.1. Lương thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát chuyên trách, Giám đốc, cán bộ quản lý:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Tổng thu nhập trong năm
1	Hoàng Xuân Thành	CT HĐQT	12	1.148.764.495
2	Bùi Huy Thành	TV HĐQT, Giám đốc	12	1.098.987.573
3	Nguyễn Xuân Sơn	TV HĐQT, Phó Giám đốc	12	1.067.795.747
4	Đoàn Văn Trường	Phó Giám đốc	12	1.033.879.540
5	Nguyễn Trọng Thạch	Phó Giám đốc	12	1.033.985.950

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Tổng thu nhập trong năm
6	Trần Thị Thu Hà	Kế toán trưởng	12	1.016.893.669
7	Võ Trung Chính	Trưởng BKS	12	1.007.437.695

3.1.2. Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Thù lao trong năm
1	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	12	137.111.111
2	Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT	12	137.111.111
3	Văn Tuấn Thạch	TV BKS	4	50.755.556
4	Lê Văn Anh	TV BKS	12	101.555.556
5	Lê Đình Hiệu	TV BKS	8	44.800.000

3.2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thương ...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT, Giám đốc	29.000	0,012%	30.000	0,012%	mua
2	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT, Phó giám đốc	47.000	0,019%	43.300	0,018%	bán
2.1	Trần Thị Vân	Vợ	42.100	0,017%	18.500	0,008%	bán
2.2	Nguyễn Thị Thu Hằng	Con gái	447.300	0,19%	434.700	0,184%	bán
3	Đoàn Văn Trường	Phó giám đốc	19.900	0,008%	20.000	0,0085%	mua
4	Võ Đăng Giáp	Anh trai (Võ Trung Chính)	34.300	0,014%	251.800	0,107%	mua

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có*

3.4. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ tuyệt đối Quy chế quản trị Công ty.*

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Đơn vị kiểm toán độc lập: **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Đính kèm: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu VT.



**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**



Bui Huy Thành
Bui Huy Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÀ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Nghệ An, tháng 03 năm 2024



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Bùi Huy Thành	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên
Ông Lê Hải Long	Ủy viên
Ông Vũ Văn Tâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Bùi Huy Thành	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/01/2023)
	Phó giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/01/2023)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó giám đốc
Ông Đoàn Văn Trường	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thạch	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Bùi Huy Thành
Giám đốc

Nghệ An, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Số: 47/2024/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08/03/2024, từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Nguyễn Hoàng Việt
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4988-2024-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		465.699.762.533	671.628.959.060
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	92.664.874.209	245.644.092.556
1. Tiền	111		6.864.874.209	65.596.390.427
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.800.000.000	180.047.702.129
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	200.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	200.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		350.715.891.733	203.424.815.593
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	345.898.650.093	199.030.458.180
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	4.457.994.479	2.486.580.755
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		359.247.161	1.907.776.658
IV. Hàng tồn kho	140		20.422.590.130	21.322.139.098
1. Hàng tồn kho	141	8	20.422.590.130	21.322.139.098
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.896.406.461	1.237.911.813
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		489.386.417	388.650.325
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.407.020.044	849.261.488
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.015.762.864.597	3.268.955.974.082
I. Tài sản cố định	220	12	2.972.328.274.348	3.230.384.518.549
1. Tài sản cố định hữu hình	221		2.972.328.274.348	3.230.384.518.549
- Nguyên giá	222		5.897.151.831.242	5.870.845.108.702
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.924.823.556.894)	(2.640.460.590.153)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		37.916.615.968	32.344.044.404
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	37.916.615.968	32.344.044.404
III. Tài sản dài hạn khác	260		5.517.974.281	6.227.411.129
1. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		5.517.974.281	6.227.411.129
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.481.462.627.130	3.940.584.933.142

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

MẪU SỐ B01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		254.548.282.453	582.891.655.393
I. Nợ ngắn hạn	310		163.622.258.490	365.337.595.236
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	23.646.071.048	8.713.261.860
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	1.816.915
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	11.217.485.264	9.365.743.037
4. Phải trả người lao động	314		14.641.017.253	14.370.041.452
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	10	5.263.914.689	11.600.207.370
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	11	7.552.611.906	18.418.505.932
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	88.591.084.002	296.625.037.971
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		123.163.779	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.586.910.549	6.242.980.699
II. Nợ dài hạn	330		90.926.023.963	217.554.060.157
1. Phải trả dài hạn khác	337	11	490.652.152	418.946.277
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	90.435.371.811	217.135.113.880
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.226.914.344.677	3.357.693.277.749
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	3.226.914.344.677	3.357.693.277.749
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.352.322.103.444	2.352.322.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.352.322.103.444	2.352.322.103.444
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		70.551.901.463	12.204.520.935
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		739.054.558.475	928.180.872.075
- LNST chưa PPLK đến cuối năm trước	421a		502.532.436.547	344.707.066.794
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		236.522.121.928	583.473.805.281
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.481.462.627.130	3.940.584.933.142

Nghệ An, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B02 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2023	2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	748.752.815.653	1.175.592.436.552
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		748.752.815.653	1.175.592.436.552
4. Giá vốn hàng bán	11	18	445.653.424.780	467.528.992.665
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		303.099.390.873	708.063.443.887
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	13.865.433.074	6.672.303.178
7. Chi phí tài chính	22	20	34.255.995.726	72.047.817.145
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		33.327.955.977	69.102.980.265
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	33.364.926.312	28.053.101.755
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		249.343.901.909	614.634.828.165
11. Thu nhập khác	31		160.682.578	55.120.310
12. Chi phí khác	32		293.638.309	283.344.012
13. Lợi nhuận khác	40		(132.955.731)	(228.223.702)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		249.210.946.178	614.406.604.463
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	12.688.824.250	30.932.799.182
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		236.522.121.928	583.473.805.281
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.005	2.419

Nghệ An, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Người lập

Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng

Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

MẪU SỐ B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm	
		2023	2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	249.210.946.178	614.406.604.463
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	284.509.042.077	284.191.159.958
- Các khoản dự phòng	03	123.163.779	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.960.496.778)	(6.672.303.178)
- Chi phí lãi vay	06	33.827.955.977	70.602.980.265
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	553.710.611.233	962.528.441.508
- Tăng/giảm các khoản phải thu	09	(149.007.241.621)	(60.320.776.423)
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	1.608.985.816	4.330.329.369
- Tăng/giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(8.661.517.089)	(8.995.370.444)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(100.736.092)	827.712.428
- Tiền lãi vay đã trả	14	(38.395.499.885)	(70.972.089.572)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(17.392.069.878)	(24.332.369.894)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	22.600.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.710.915.486)	(6.469.676.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	334.051.616.998	796.618.800.244
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(16.010.488.085)	(24.004.073.458)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	95.063.704	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(55.000.000.000)	(200.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	255.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	15.023.839.999	5.687.708.015
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	199.108.415.618	(218.316.365.443)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	33.790.830.519	18.824.839.297
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(369.024.526.557)	(522.091.907.371)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(350.905.554.925)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(686.139.250.963)	(503.267.068.074)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(152.979.218.347)	75.035.366.727
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	245.644.092.556	170.608.725.829
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	92.664.874.209	245.644.092.556

Nghệ An, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Người lập



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh là 2.352.322.100.000 đồng tương ứng với 235.232.210 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Từ ngày 12/01/2024, Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNA.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Quang Trung, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2023 là 117 người (tại ngày 31/12 2022 là 116 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: sản xuất, mua bán điện năng;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở ở;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tour du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hủa Na.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trích lập phù hợp với chế độ kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị quản lý	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định khắc phục sự cố có giá trị lớn và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm tài chính do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí phải trả các nhà thầu và chi phí hoạt động khác.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định nhà máy thủy điện Hủa Na. Các khoản dự phòng phải trả hàng kỳ được ghi nhận dựa trên cơ sở ước tính của Công ty về tổng giá trị các khoản phí cần thiết để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa cho mỗi chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định là 48 tháng và phân bổ đều cho số tháng thực hiện. Chi phí thực tế bỏ ra để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định phát sinh trong kỳ được hạch toán giảm vào số dự phòng phải trả.

Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính bao gồm: các khoản đi vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu được ghi nhận bao gồm các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt tính trong giá quyết toán hàng tháng với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng chung Tổng Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	175.082.652	27.661.377
Tiền gửi ngân hàng	6.689.791.557	65.568.729.050
Các khoản tương đương tiền (*)	85.800.000.000	180.047.702.129
Cộng	<u>92.664.874.209</u>	<u>245.644.092.556</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 01 tháng, lãi suất từ 2,3%/năm đến 4,5%/năm.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	345.887.497.962	199.025.954.761
Các khách hàng khác	11.152.131	4.503.419
Cộng	<u>345.898.650.093</u>	<u>199.030.458.180</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Xây dựng & Kiểm định Anh Phương	475.204.938	-
Công ty TNHH Xây dựng Thạch Phát	898.923.545	411.466.380
Công ty Cổ phần Đại Tam Sơn	980.704.896	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	323.301.900	323.301.900
Công ty CP Xây dựng và Thương mại Hoàng Trường An	326.212.866	52.007.602
Các nhà cung cấp khác	1.453.646.334	1.699.804.873
Cộng	<u>4.457.994.479</u>	<u>2.486.580.755</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	20.421.090.130	-	21.306.265.278	-
Công cụ, dụng cụ	1.500.000	-	15.873.820	-
Cộng	20.422.590.130	-	21.322.139.098	-

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện	35.433.004.894	28.207.648.414
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	1.641.076.357	1.295.982.054
Chi phí xây dựng khác	842.534.717	2.840.413.936
Cộng	37.916.615.968	32.344.044.404

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Lãi vay dự trả	3.654.499.703	8.565.765.897
Chi phí phải trả nhà thầu	1.058.963.062	2.295.659.495
Chi phí phải trả khác	550.451.924	738.781.978
Cộng	5.263.914.689	11.600.207.370

11. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	7.552.611.906	18.418.505.932
Các loại thuế, phí tạm tính chưa kê khai (*)	5.057.397.009	17.740.098.787
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm	175.012.939	92.302.484
Cổ tức phải trả	1.942.760.075	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	377.441.883	586.104.661
Dài hạn	490.652.152	418.946.277
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	490.652.152	418.946.277
Cộng	8.043.264.058	18.837.452.209

(*) Phản ánh số dư phải trả Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An về các khoản phải nộp về thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường và phí cấp quyền sử dụng nước mặt mà Công ty tạm tính, chưa kê khai và nộp cho Cục thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ môi trường và phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND		VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2023	4.510.171.312.619	1.344.127.123.215	10.283.182.325	6.263.490.543	-	5.870.845.108.702
Xây dựng cơ bản hoàn thành	4.558.491.017	20.598.601.523	-	-	-	25.157.092.540
Mua trong năm	42.500.000	30.909.091	1.459.431.818	75.759.091	85.000.000	1.693.600.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(543.970.000)	-	-	(543.970.000)
Tại ngày 31/12/2023	4.514.772.303.636	1.364.756.633.829	11.198.644.143	6.339.249.634	85.000.000	5.897.151.831.242
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2023	1.796.566.628.420	831.982.168.261	6.474.029.621	5.437.763.851	-	2.640.460.590.153
Khấu hao trong năm	183.834.974.859	100.137.942.357	554.829.691	366.581.498	12.608.336	284.906.936.741
Giảm do thanh lý, nhượng bán	-	-	(543.970.000)	-	-	(543.970.000)
Tại ngày 31/12/2023	1.980.401.603.279	932.120.110.618	6.484.889.312	5.804.345.349	12.608.336	2.924.823.556.894
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2023	2.713.604.684.199	512.144.954.954	3.809.152.704	825.726.692	-	3.230.384.518.549
Tại ngày 31/12/2023	2.534.370.700.357	432.636.523.211	4.713.754.831	534.904.285	72.391.664	2.972.328.274.348
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao vẫn còn sử dụng	7.040.481.342	3.266.951.067	4.320.642.598	5.090.152.509	-	19.718.227.516

Như đã trình bày ở thuyết minh số 15, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	298.938.239	298.938.239	-	-
Phải trả người bán khác				
Công ty TNHH Xây dựng Thạch Phát	2.201.709.735	2.201.709.735	1.113.918.596	1.113.918.596
Công ty Cổ phần Truyền dẫn Long Biên	11.710.183.142	11.710.183.142	541.714.000	541.714.000
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Thuận Phong	1.277.813.910	1.277.813.910	-	-
Các nhà cung cấp khác	8.157.426.022	8.157.426.022	7.057.629.264	
Cộng	23.646.071.048	23.646.071.048	8.713.261.860	1.655.632.596

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	64.239.441.338	64.239.441.338	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.315.541.501	12.688.824.250	17.392.069.878	4.612.295.873
Thuế thu nhập cá nhân	50.201.536	3.517.255.610	2.868.229.215	699.227.931
Thuế tài nguyên nước	-	57.320.813.909	57.320.813.909	-
Phí bảo vệ môi trường rừng	-	28.633.342.464	22.727.381.004	5.905.961.460
Phí cấp quyền sử dụng nước mặt	-	9.365.469.000	9.365.469.000	-
Các loại thuế, phí khác	-	234.500.001	234.500.001	-
Cộng	9.365.743.037	175.999.646.572	174.147.904.345	11.217.485.264

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	88.591.084.002	296.625.037.971
Vay ngắn hạn (15.1)	11.724.360.938	-
Vay dài hạn đến hạn trả (15.1)	76.866.723.064	147.125.037.971
Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả	-	149.500.000.000
Dài hạn	90.435.371.811	217.135.113.880
Vay dài hạn (15.2)	90.435.371.811	217.135.113.880
Cộng	179.026.455.813	513.760.151.851

15.1 Chi tiết vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-	33.790.830.519	22.066.469.581	11.724.360.938	11.724.360.938
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (1)	-	-	33.790.830.519	22.066.469.581	11.724.360.938	11.724.360.938
Vay dài hạn đến hạn trả	147.125.037.971	147.125.037.971	126.699.742.069	196.958.056.976	76.866.723.064	76.866.723.064
Ngân hàng TMCP An Bình (2)	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000	60.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (3)	18.398.359.411	18.398.359.411	20.545.086.717	22.076.723.064	16.866.723.064	16.866.723.064
Ngân hàng TMCP Quân đội	32.774.678.560	32.774.678.560	28.163.536.376	60.938.214.936	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	35.952.000.000	35.952.000.000	17.991.118.976	53.943.118.976	-	-
Cộng	147.125.037.971	147.125.037.971	160.490.572.588	219.024.526.557	88.591.084.002	88.591.084.002

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NÀ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN

15.2 Chi tiết vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP An Bình (2)	124.984.560.000	124.984.560.000	-	60.000.000.000	64.984.560.000	64.984.560.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (3)	45.995.898.528	45.995.898.528	-	20.545.086.717	25.450.811.811	25.450.811.811
Ngân hàng TMCP Quân đội	28.163.536.376	28.163.536.376	-	28.163.536.376	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	17.991.118.976	17.991.118.976	-	17.991.118.976	-	-
Cộng	217.135.113.880	217.135.113.880	-	126.699.742.069	90.435.371.811	90.435.371.811

Thông tin các hợp đồng vay của Công ty như sau:

TT	Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất tại 31/12/2023	Tài sản đảm bảo
(1)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vinh	05/2023/HĐHM/V CB-HUANA ngày 16/11/2023	40,00	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	4,50%	Không có tài sản đảm bảo
(2)	Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012	20,00	Thanh toán các chi phí thi công của dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Hủa Nà	Từ năm 2015 đến năm 2024	8,00%	Máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của dự án và bảo lãnh của Tổng công ty điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
		182/16/TD-TT/II ngày 21/01/2016	104,98	Tài trợ các khoản chi phí tăng thêm sau khi điều chỉnh tổng mức đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Nà	Từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 1 năm 2026	7,00%	Giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án và bảo lãnh của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP
(3)	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	MMD2021133925 90/HĐTD ngày 25/05/2021	42,32	Trả nợ nhà thầu, thanh toán chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (dự án thủy điện Hủa Nà)	60 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên	8,10%	Bảo lãnh thanh toán của TCT điện lực Dầu khí Việt Nam và các tài sản bảo đảm khác được các bên thỏa thuận sử dụng đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ nợ tại Techcombank

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÒA NÁ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	2.352.322.103.444	64.985.781.295	12.318.667.089	352.337.056.794	2.781.963.608.622
Lãi trong năm	-	-	-	583.473.805.281	583.473.805.281
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.629.990.000)	(7.629.990.000)
Giảm khác	-	-	(114.146.154)	-	(114.146.154)
Tại ngày 01/01/2023	2.352.322.103.444	64.985.781.295	12.204.520.935	928.180.872.075	3.357.693.277.749
Lãi trong năm	-	-	-	236.522.121.928	236.522.121.928
Trích quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	58.347.380.528	(58.347.380.528)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(13.675.140.000)	(13.675.140.000)
Trích quỹ thưởng người quản lý (*)	-	-	-	(777.600.000)	(777.600.000)
Chi cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(352.848.315.000)	(352.848.315.000)
Tại ngày 31/12/2023	2.352.322.103.444	64.985.781.295	70.551.901.463	739.054.558.475	3.226.914.344.677

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 26/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.898.727.600.000	80,72%	1.898.727.600.000	80,72%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	115.500.000.000	4,91%	115.500.000.000	4,91%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	105.000.000.000	4,46%	105.000.000.000	4,46%
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,71%	87.200.270.000	3,71%
Các cổ đông khác	145.894.230.000	6,20%	145.894.230.000	6,20%
Cộng	2.352.322.100.000	100%	2.352.322.100.000	100%

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	235.232.210	235.232.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	235.232.210	235.232.210
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	235.232.210
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	235.232.210	235.232.210
- Cổ phiếu phổ thông	235.232.210	235.232.210
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán điện	661.994.144.806	1.059.121.978.475
Thuế tài nguyên nước, thuế bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác mặt nước	86.758.670.847	116.470.458.077
Cộng	748.752.815.653	1.175.592.436.552

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Giá vốn sản xuất điện	358.894.753.933	351.058.534.588
Thuế tài nguyên nước, thuế bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền khai thác mặt nước	86.758.670.847	116.470.458.077
Cộng	445.653.424.780	467.528.992.665

19. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	13.865.433.074	6.672.303.178
Cộng	13.865.433.074	6.672.303.178

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí lãi vay	33.327.955.977	69.102.980.265
Phí bảo lãnh các hợp đồng vay	271.762.035	1.444.836.880
Phí bảo lãnh phát hành trái phiếu	500.000.000	1.500.000.000
Chi phí tài chính khác	156.277.714	-
Cộng	34.255.995.726	72.047.817.145

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	21.672.690.571	19.143.772.671
Chi phí vật liệu quản lý	883.849.996	712.650.981
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.373.057.275	1.356.883.751
Thuế, phí và lệ phí	82.445.696	4.065.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.643.555.634	2.384.741.538
Chi phí khác bằng tiền	6.709.327.140	4.450.987.814
Cộng	33.364.926.312	28.053.101.755

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.801.939.482	11.754.973.293
Chi phí nhân công	51.650.958.999	49.363.012.615
Chi phí khấu hao tài sản cố định	284.509.042.077	284.191.159.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.518.474.276	21.194.094.406
Chi phí thuế tài nguyên, phí môi trường rừng và phí cấp	86.758.670.847	116.470.458.077
Chi phí khác bằng tiền	17.779.265.411	12.608.396.071
Cộng	479.018.351.092	495.582.094.420

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	249.210.946.178	614.406.604.463
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	4.425.787.468	4.229.814.627
Thu nhập chịu thuế	253.636.733.646	618.636.419.090
- Thuế suất	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập	25.363.673.365	61.863.641.909
- Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(12.681.836.683)	(30.931.820.955)
- Thuế TNDN bổ sung của các năm trước	6.987.568	978.227
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.688.824.250	30.932.799.182

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc điều chỉnh (nếu có) sẽ được Công ty thực hiện khi có kết quả kiểm tra chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	236.522.121.928	583.473.805.281
Trừ: quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(14.452.740.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	236.522.121.928	569.021.065.281
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	235.232.210	235.232.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.005	2.419

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2023, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2023 có thể được điều chỉnh phụ thuộc vào việc trích các quỹ của công ty từ lợi nhuận sau thuế. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 được điều chỉnh lại theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 26/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023 về trích quỹ khen thưởng, phúc lợi.

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 134/HĐ-TĐ ngày 09/09/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 809.930 m² đất tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An để thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Thời hạn thuê đất là 46 năm kể từ ngày 09/09/2011 đến ngày 26/03/2058. Theo Quyết định số 1016/QĐ-CT ngày 09/06/2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An, Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng (từ tháng 08 năm 2011 đến hết tháng 07 năm 2013) và thời gian ưu đãi đầu tư (từ tháng 08 năm 2013 đến hết tháng 07 năm 2028).

26. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Phí bảo lãnh		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	271.762.035	1.444.836.880
Phí nhãn hiệu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.144.066.045	1.385.750.526
Mua hàng		
Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam	2.119.207.794	907.185.369

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	1.148.764.495	1.175.607.678
Ông Lê Hải Long	Ủy viên HĐQT	137.111.111	101.000.000
Ông Vũ Văn Tâm	Ủy viên HĐQT	137.111.111	101.000.000
Ông Trịnh Bảo Ngọc	Giám đốc, ủy viên HĐQT	-	1.185.471.777
Ông Bùi Huy Thành	Giám đốc, ủy viên HĐQT	1.098.987.573	1.071.387.348
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc	1.067.795.747	1.072.208.621
Ông Đoàn Văn Trường	Phó Giám đốc	1.033.879.540	1.037.916.555
Ông Nguyễn Trọng Thạch	Phó Giám đốc	1.033.985.950	801.254.210
Cộng		5.657.635.527	6.545.846.188

27. THÔNG TIN KHÁC

Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát chi trả trong năm là:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Võ Trung Chính	Trưởng ban kiểm soát	1.007.437.695	270.202.645
Bà Trần Thị Thu Hà	Trưởng ban kiểm soát	-	770.032.622
Ông Văn Tuấn Thạch	Thành viên Ban Kiểm soát	50.755.556	74.000.000
Ông Lê Đình Hiệu	Thành viên Ban Kiểm soát	44.800.000	-
Bà Lê Văn Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	101.555.556	3.818.182
Bà Hoàng Thị Minh Nguyệt	Thành viên Ban Kiểm soát	-	70.181.818
Cộng		1.204.548.807	1.188.235.266

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

Nghệ An, ngày 08 tháng 03 năm 2024

Người lập



Nguyễn Phan Mạnh Hiền

Kế toán trưởng



Trần Thị Thu Hà

Giám đốc



Bùi Huy Thành